TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HS-ST
Ngày: 08- 8- 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nông Thúy Chính.
Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Xuân.
ông Phạm Văn Kha.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Chu Văn Vân và bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nông Văn H1, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1985 tại: huyện L, tỉnh L. Nơi cư trú: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Lý Thị H; Vợ là Vi Thị L và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt ngày 26/3/2023, hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà, có mặt.

2. Họ và tên: Chu Văn T1, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1981 tại huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn B và bà Tô Thị G; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt ngày 26/3/2023, hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà, có mặt.

3. Họ và tên: Chu Văn T2, sinh ngày 16 tháng 8 năm 1986 tại huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn. Nơi cư trú: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn B và bà Tô Thị G; vợ là Nông Thị H và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt ngày 26/3/2023, hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà, có mặt.

4. Họ và tên: Bế Văn C, sinh ngày 01 tháng 6 năm 1990 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn K và bà Nguyễn Thị T; Vợ là Trương Thị Hồng L và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh và tạm hoãn xuất cảnh, có mặt.

5. Họ và tên: Hoàng Văn P, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1979 tại huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: khu L, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Phạm Thị P; Vợ là Nguyễn Thị T (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh và tạm hoãn xuất cảnh, có mặt.

6. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 08 tháng 01 năm 1985 tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y (đã chết) và bà Bùi Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh, có mặt.

7 Họ và tên: Nguyễn Thị A, sinh ngày 06 tháng 8 năm 1977 tại huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Nơi cư trú: khu Đa, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trịnh Thị T (đều đã chết); chồng là Hỷ Anh T (đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Hải Hà, có mặt.

* *Bị hại:* Công ty cổ phần A1 Việt Nam.

Địa chỉ: tầng 5, tòa nhà L 10, phố T, phường T, quận N, TP Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: anh Vũ Văn V, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Mai Văn P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: khu G, thị trấn Q huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Bùi Văn K, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu Đ, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: khu M, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Anh Vũ Đức B, sinh năm 1990.

Địa chỉ: thôn 3, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1948.

Địa chỉ: khu L, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

6. Chị Nông Thị H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

7. Ông Chu Văn B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: khu Q, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Văn H1 từng có thời gian làm thợ xây cho Công ty cổ phần A1 Việt Nam nên biết công ty có bãi tập kết vật tư tại thôn 1, xã Quảng P, huyện H. Thấy không có người trông coi nên H1 nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại bãi tập kết này.

- Khoảng 20 giờ ngày 14/3/2023, H1 một mình điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 34M5 - 6436 mang theo 01 chiếc kéo (loại kéo cắt lưới) đến khu vực bãi tập kết của Công ty Andes. Sau đó H1 đỗ xe ở hàng rào tôn rồi dùng kéo cắt tường tôn ra một lỗ hổng để chui vào. Sau đó H1 một mình lấy 02 tấm bản mã, kích thước 600x500x30mm - khối lượng là 77kg/tấm, đi qua lỗ hổng để lên yên xe máy sau đó chở về nhà ông Mai Văn Phán (là người thu mua phế liệu ở khu tái định cư 8H Q thuộc thị trấn Q, huyện H) rồi H1 quay xe lại bãi tập kết hai lần, mỗi lần lấy trộm được thêm 02 tấm bản mã (trong đó có 02 tấm bản mã kích thước 600x500x30mm - khối lượng là 77kg/tấm và 02 tấm bản mã kích thước 500x500x30mm - khối lượng là 63kg/tấm). Tổng cộng H1 chở 06 tấm bản mã đến nhà ông Phán và bán cho ông Phán được 4.000.000 đồng (ông Phán không biết đây là tài sản do Hậu trộm cắp mà có). Giá trị tài sản Hậu một mình chiếm đoạt là 12.436.813 đồng.

- Buổi trưa ngày 15/3/2023, H1 gặp Hoàng Văn P và rủ P đi trộm cắp sắt, P đồng ý.

+ Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H1 một mình điều khiển xe đến bãi tập kết, tiếp tục lợi dụng không có ai trông coi, H1 chui qua lỗ tôn cắt từ trước lấy được 68 thanh sắt loại phi 20, mỗi thanh nặng 1,1kg, tổng khối lượng là 74,8kg mang về nhà Nguyễn Thị Ánh (là chủ thu mua phế liệu ở khu Đại Điền Nam, thị trấn Quảng Hà, huyện H) bán được 1.000.000 đồng. Lúc này A chưa biết đây là tài sản do Hậu trộm cắp mà có. Giá trị tài sản Hậu một mình chiếm đoạt là 561.000 đồng.

+ Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi một mình lấy trộm sắt loại phi 20, H1 mới gọi điện thoại cho P rủ đi trộm sắt, đồng thời dặn P đi xe máy và mang theo

dây cao su để buộc sắt, P đồng ý. Sau đó H1 dẫn đường cho P đến bãi tập kết sắt của Công ty Andes, cả hai đi theo lối H1 đã cắt tôn hôm trước vào bãi tập kết và H1 lấy 01 tấm bản mã có kích thước 500x500x30mm, có khối lượng là 63kg/tấm; P lấy 02 tấm bản mã kích thước 500x500x30mm, có khối lượng là 63kg/tấm, sau đó cùng nhau chở sắt đến nhà ông Phán bán nhưng ông Phán không có nhà. Lúc này A cũng đến nhà ông Phán, thấy Hậu và P đang tìm ông Phán để bán sắt nên A đã mua 03 tấm bản mã với giá 1.800.000 đồng.

Sau đó H1 và P tiếp tục mỗi người đi một xe máy quay lại bãi tập kết của công ty Andes để lấy trộm sắt, lần này mỗi người đều lấy được 02 tấm bản mã, trong đó tấm của Hậu là loại 600x500x30mm - khối lượng là 77kg/tấm, của P là loại 500x500x30mm – khối lượng 63kg/tấm rồi chở thẳng đến nhà Ánh. Lúc này Ánh mới hỏi H1 và P là "*lấy sắt ở đâu đấy*" thì H1 trả lời là "*lấy trộm ở trong công ty*" thì A biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng không nói gì và tiếp tục mua.

+ Khoảng hơn 00 giờ ngày 16/3/2023, H1 và P tiếp tục điều khiển xe quay lại công ty Andes để lấy trộm sắt. Lần này mỗi người lấy được 02 tấm bản mã (H1 lấy được 02 tấm bản mã kích thước 540x740x30mm, có khối lượng là 102kg/tấm; P lấy được 02 tấm bản mã có kích thước 500x500x30mm, có khối lượng là 63kg/tấm) và chở về nhà Ánh, Ánh mua và trả tiền cả hai lần là 4.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 lần cả hai trộm cắp sắt bán được 5.800.000 đồng, số tiền này H1, P chia đôi.

Tổng giá trị tài sản H1, P chiếm đoạt là 22.896.344 đồng.

- Buổi chiều ngày 17/3/2023, H1 gặp Bế Văn C và rủ C đi trộm cắp sắt ở bãi tập kết vật tư của Công ty Andes, C đồng ý và bảo khi nào đi thì gọi.

+ Khoảng 20 giờ cùng ngày, H1 một mình điều khiển xe máy đến bãi tập kết sắt và tự mình lấy trộm đc 02 tấm bản mã có kích thước 540x740x30mm - khối lượng là 102kg/tấm rồi chở về nhà Ánh bán được 2.000.000 đồng.

Giá trị tài sản Hậu một mình chiếm đoạt 5.845.875 đồng

+ Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H1 gọi cho C, P rủ đi trộm cắp sắt thì C đi cùng xe với H1 còn P đi xe của P. Lúc này C giúp H1 và P bê sắt lên xe, cả ba lấy được 04 tấm bản mã đều có kích thước 540x740x30mm - khối lượng là 102kg/tấm, rồi cùng nhau chở sắt đến nhà Ánh và bán được 4.000.000 đồng. Sau đó cả ba ra quán ăn đêm, trừ đi tiền ăn thì mỗi người được hơn 1.300.000 đồng.

Giá trị tài sản H1, C, P chiếm đoạt là 11.691.750 đồng.

- Khoảng 14 giờ ngày 19/3/2023, H1 ngồi uống bia ở nhà Chu Văn T2 và có kể là biết chỗ lấy trộm sắt, T2 nghe được thì bảo là cho T2 đi cùng nên H1 đồng ý.

+ Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H1 điều khiển xe máy đi trước dẫn đường, T2 điều khiển xe máy đi sau, sau đó cùng nhau chui qua lỗ tôn đi vào, do các tấm bản mã đã hết nên cả hai chuyển sang lấy các tấm mạ kẽm kích thước khác nhau.

Từ thời gian này đến 01 giờ ngày 20/3/2023, H1 và T2 lấy trộm 04 chuyến, tổng cộng H1 lấy được 31 tấm thép mạ kẽm (trong đó có 03 tấm thép mạ kẽm kích thước 1000x790mm, 03 tấm mã kẽm kích thước 1000x390mmm, 25 tấm mã kẽm kích thước 1000x590mm); T2 lấy được 25 tấm mã kẽm (trong đó có 03 tấm thép mạ kẽm kích thước 1000x790mm, 02 tấm mã kẽm kích thước 1000x390mmm, 20 tấm mã kẽm kích thước 1000x590mm). Sau mỗi lần lấy trộm cả hai đều chở về nhà Ánh bán, và được thanh toán tổng cộng Hậu được 5.800.000 đồng, T2 được 4.730.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản H1, T2 chiếm đoạt là 62.820.352 đồng.

- Khoảng 23 giờ ngày 20/3/2023, H1 rủ T2 tiếp tục đi trộm sắt. Từ thời gian này đến 01 giờ ngày 21/3/2023, cả hai lấy trộm 04 chuyến, trong đó Hậu lấy được tổng cộng 28 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm; T2 lấy được tổng cộng 26 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm và bán cho A thì Hậu được 6.300.000 đồng, T2 4.600.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản H1, T2 chiếm đoạt là 61.203.681 đồng.

+ Cũng trong tối ngày 20/3/2023, C không được ai rủ nhưng do đã biết địa điểm và cần tiền tiêu sài nên C một mình điều khiển xe đến bãi tập kết và lấy tổng cộng 10 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm, 02 tấm mạ kẽm kích thước 1000x390mm và 03 tấm mạ kẽm kích thước 1000x790mm và bán cho A được 3.235.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản một mình C chiếm đoạt là 16.930.806 đồng.

- Ngày 21/3/2023, H1 rủ Chu Văn T1 tham gia lấy trộm sắt, T1 đồng ý. Sau đó Hậu hẹn cả C, Trìu đến đêm đi. Khoảng 23 giờ cùng ngày, H1, T1, C cùng nhau điều khiển xe đến bãi tập kết vật tư của Công ty Andes trộm sắt. Chuyến đầu tiên, H1 lấy được 06 tấm sắt (trong đó có 01 tấm mạ kẽm kích thước 1000x790mm; 05 tấm kích thước 1000x590mm), C lấy được 05 tấm kích thước 1000x390mm và T1 lấy được 05 tấm kích thước 1000x590mm. Chuyến thứ hai *(*khoảng 00 giờ ngày 22/3/2023*)*, H1 lấy được 06 tấm mạ kẽm (trong đó có 01 tấm mạ kẽm kích thước 1000x790mm; 05 tấm kích thước 1000x590mm), T1 lấy được 06 tấm kích thước 1000x590mm, còn C lấy được 05 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm, Sau đó C bị hỏng xe nên về trước, được chia 970.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản H1, T1, C chiếm đoạt là 35.486.546 đồng.

- Khoảng 01 giờ ngày 22/3/2023, H1, Trìu gọi thêm T2 rồi cùng nhau tiếp tục lấy trộm sắt. Hậu lấy được 09 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm và 01 tấm kích thước 1000x790mm, T1 lấy được 04 tấm kích thước 1000x790mm và 06 tấm kích thước 1000x590mm, 02 tấm kích thước 1000x390mm và T2 lấy được 13 tấm kích thước 1000x590mm rồi mang về nhà Ánh bán. Như vậy trong tối 21/3/2023 và rạng

sáng ngày 22/3/2023, H1 bán được 5.900.000 đồng, T1 được 4.800.000 đồng còn T2 được 1.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản H1, T1, T2 chiếm đoạt là 40.231.622 đồng.

- Khoảng 20 giờ đến 23 giờ ngày 22/3/2023, chỉ có H1 và T1 đi trộm cắp sắt ở Công ty Andes. Trong đó Hậu lấy tổng là 28 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm còn T1 lấy được tổng số 26 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm, rồi mang đến nhà Ánh bán (H1 bán được 5.800.000 đồng còn T1 được 5.400.000 đồng).

Tổng giá trị tài sản H1, Trìu chiếm đoạt là 61.203.681 đồng.

- Khoảng 20 đến 21 giờ ngày 23/3/2023: H1 tiếp tục cùng T1 đi trộm cắp sắt ở Công ty Andes. Trong đó Hậu lấy được tổng cộng 04 tấm mạ kẽm kích thước 1000x790mm, 12 tấm kích thước 1000x390mm; Trìu lấy được 13 tấm kích thước 1000x590mm.

Tổng giá trị tài sản H1, Trìu chiếm đoạt là 28.017.840 đồng.

- Từ khoảng 22 giờ ngày 23/3/2023 đến rạng sáng ngày 24/3/2023: H1, Trìu gọi thêm T2. H1 lấy được tổng cộng 30 tấm sắt, T1 lấy được tổng 25 tấm sắt, T2 lấy được tổng cộng 28 tấm đều là tấm thép mạ kẽm kích thước 1000x590mm. Sau khi lấy đều mang về bán cho A thì H1 được 10.500.000 đồng, T2 được 5.600.000 đồng còn T1 được 8.200.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản H1, T1, T2 chiếm đoạt là 94.072.325 đồng.

- Chiều tối ngày 24/3/2023, khi uống bia tại quán nhà T2 thì có Nguyễn Văn T nên T1 đã rủ T cùng đi trộm cắp ở Công ty Andes, T đồng ý.

+ Khoảng 23 giờ ngày 24/3/2023, H1 cùng T1 và Tuấn cùng nhau đi trộm cắp (Tuấn mượn xe máy của T2 để đi nhưng không nói là đi trộm cắp), mỗi người lấy được 05 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm. Sau đó T đi về trước và được thanh toán 950.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản H1, T1, T chiếm đoạt là 17.001.023 đồng.

+ Đến khoảng 00h ngày 25/3/2023 H1 và T1 tiếp tục cùng đi trộm cắp thêm, mỗi người lấy được 10 tấm mạ kẽm kích thước 1000x590mm rồi chở về nhà Ánh bán được mỗi người 2.800.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản H1, Trìu chiếm đoạt trong lần này là 22.668.030 đồng.

Nguyễn Thị A đã thu mua tổng cộng 68 thanh sắt loại phi 20, 17 tấm bản mã và 394 tấm thép mạ kẽm, tổng trị giá tài sản là 480.630.872 đồng. Sau khi biết đây là tài sản do nhóm của Hậu trộm cắp, A vẫn mua nhưng quá trình mua A không hứa hẹn trước hay tham gia gì với nhóm của Hậu. Sau đó A đã bán lại cho Vũ Đức Bằng, sinh năm 1990, trú tại thôn 3, xã Quảng Chính, huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Theo thỏa thuận, Bằng phải trả cho A 121.606.000 đồng, nhưng Bằng còn nợ tiền A chưa trả đủ. Sau đó Bằng đã bán lại toàn bộ các tấm bản mã cho Nguyễn Văn Tú, sinh năm 1970, trú tại khu M, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh và bán toàn bộ số

tấm thép mạ kẽm, thanh sắt phi 20 cho Bùi Văn K, sinh năm 1980, trú tại khu Đ, thị trấn Q, huyện H (B, K, T không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có).

Ngày 25/3/2023, trên cơ sở trình báo của anh Trần Đức A là chỉ huy trưởng công trình của Công ty Andes, cơ quan điều tra đã rà soát và thu giữ toàn bộ số tài sản trên tại xưởng của anh K, còn anh T tự nguyện giao nộp tài sản. Ngày 26/3/2023, Cơ quan điều tra đã ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với H1, C, P, T2, T1, T, A, đồng thời thu giữ: 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 34M5 – 6436 của H1; 01 xe mô tô kiểu dáng Honda Wave BKS 28S8-1684 của Trìu; 01 xe môtô kiểu dáng Honda Wave BKS 14L1-084.83 của T2; 01 xe môtô nhãn hiệu Yamaha Elegants BKS 14L1-062.88 của P; 01 xe mô tô kiểu dáng xe Honda dream không có biển số của C và 06 điện thoại di động các loại của T2, T1, C, P, T, A. Đối với chiếc kéo H1 sử dụng để cắt tôn không thu giữ được do H1 đã làm rơi không xác định được địa điểm.

Tại các kết luận định giá tài sản số 394/KL-ĐGTS ngày 04/4/2023 và số 658/KL-ĐGTS ngày 21/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H kết luận:

+ Tổng các tài sản bị chiếm đoạt là vật chứng tại thời điểm định giá (gồm 08 tấm bản mã kích thước 540x740x30mm, khối lượng 102kg/tấm; 09 tấm bản mã kích thước 500x500x30mm, khối lượng 63kg/tấm; 06 tấm bản mã kích thước 600x500x30mm, khối lượng 77kg/tấm; 20 tấm thép mạ kẽm kích thước 1000x790mm; 348 tấm thép mạ kẽm kích thước 1000x590mm; 26 tấm thép mạ kẽm kích thước 1000x390mm) có giá trị là 492.506.684 đồng.

+ 68 thanh sắt loại phi 20, chiều dài 60cm, mỗi thanh nặng 1,1kg, tổng khối lượng 74,8kg tại thời điểm định giá có giá trị 561.000 đồng.

Tổng các tài sản bị chiếm đoạt là vật chứng tại thời điểm định giá có giá trị là: 493.067.684 đồng. *(Bút lục số 254,267)*

Về trách nhiệm dân sự: các bị cáo đã cùng bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Không ai có yêu cầu, đề nghị gì.

Về vật chứng: toàn bộ tài sản trộm cắp đã được thu hồi và trả cho bị hại nên không đề cập. 05 xe mô tô tạm giữ của H1, T2, T1, C, P và 06 điện thoại di động tạm giữ của các bị can T2, T1, C, P, T, A chuyển Chi cục thi hành án dân sự bảo quản theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn H1, Bế Văn C, Hoàng Văn P, Chu Văn T2, Chu Văn T1, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, ngoài ra các bị cáo khai: do bị cáo lười lao động nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác để bán lấy tiền ăn tiêu; bị cáo Ánh do hám lợi nên đã mua các tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có để bán lại.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và thừa nhận việc truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan. Nói lời sau cùng, các bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Người bị hại là Công ty cổ phần A1 Việt Nam và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông Mai Văn P, Bùi Văn K, Nguyễn Văn T và Vũ Đức B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, đồng thời có quan điểm như sau: xin giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra; Về dân sự: đã được các bị cáo bồi thường, khắc phục hậu quả nên không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm; Về hình sự: đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn H, chị Nông Thị H và ông Chu Văn B trình bày: chiếc xe mô tô mà các bị cáo Hoàng Văn P, Chu Văn T2 và Chu Văn T1 sử dụng trong quá trình trộm cắp tài sản là tài sản chung của gia đình, khi các bị cáo lấy xe đi trộm cắp tài sản, ông H, ông B và chị H không biết. Do đó đề nghị HĐXX xem xét trả lại những chiếc xe mô tô trên cho gia đình.

Với nội dung trên tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSHH ngày 26/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà truy tố các bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2 về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Bế Văn C về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; các bị cáo Hoàng Văn P, Nguyễn Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Thị A về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Điểm a khoản 3 Điều 173, Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự (áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS đối với các bị cáo Chu Văn T1, Chu Văn T2), xử phạt:

+ Xử phạt Bị cáo Nông Văn Hậu từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Chu Văn T1, Chu Văn T2 từ 05 năm 6 tháng đến 6 năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Khoản 1,2,5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Bế Văn C từ 24 đến 27 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Hoàng Văn P; điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Văn T), Khoản 1,2,5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ Bị cáo Hoàng Văn P từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Bị cáo Nguyễn Văn T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Bế Văn C, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn Tuấn cho UBND thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323, Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị A từ từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*", thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2023.

Xử lý vật chứng: tịch thu sung ngân sách Nhà nước 06 điện thoại di động hiện đang tạm giữ của các bị cáo T2, T1, C, P, T, A. Tịch thu tiêu hủy 06 sim điện thoại.

Trả lại ông Hoàng Văn H (bố bị cáo P) 01 xe mô tô dán mác Elegants BKS 14L1-062.88; Trả lại chị Nông Thị H (vợ bị cáo T2) 01 xe mô tô Wave BKS 14L1-084.83; Trả lại ông Chu Văn B (bố bị cáo T1) 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 28S8-1684.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius RC BKS 34M5-6436 tạm giữ của bị cáo Nông Văn Hậu không có số khung, số máy và 01 xe kiểu dáng Dream không gắn biển số, không xác định được số khung tạm giữ của bị cáo Bế Văn C quá trình điều tra không xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên chuyển lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại và

những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung đã khai nhận tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ, Sơ đồ hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo khẳng định: những lời khai tại cơ quan điều tra là tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc nhục hình; kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy đủ căn cứ để kết luận các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 14/3/2023 đến ngày 25/3/2023, tại bãi tập kết vật tư của công ty cổ phần A1 Việt Nam thuộc thôn 1, xã P, huyện H, Nông Văn H1, Bế Văn C, Hoàng Văn P, Chu Văn T2, Chu Văn T1, Nguyễn Văn T có hành vi lén lút chiếm đoạt tổng cộng 23 tấm bản mã, 394 tấm thép mạ kẽm có kích thước khác nhau và 68 thanh sắt loại phi 20 có tổng giá trị là 493.067.684 đồng. Trong đó:

+ Nông Văn H1 đã một mình và cùng C, P, T2, T1, T lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 476.136.879 đồng.

+ Chu Văn Trìu đã cùng H1, T2, C, T lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 298.681.065 đồng.

+ Chu Văn T2 cùng H1, T1 lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 258.327.979 đồng.

+ Bế Văn C đã một mình và cùng H1, P, Trìu lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 64.109.101 đồng

+ Hoàng Văn P đã cùng H1, C lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 34.588.094 đồng.

+ Nguyễn Văn T đã cùng H1, Trìu lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 17.001.023 đồng.

+ Nguyễn Thị A không hứa hẹn trước nhưng đã thu mua để bán kiếm lời 17 tấm bản mã, 394 tấm thép mạ kẽm có kích thước khác nhau và 68 thanh sắt loại phi 20 mặc dù biết rõ tài sản do trộm cắp mà có, tổng giá trị tài sản phạm pháp là 480.630.872 đồng.

Hành vi của các bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2 đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" thuộc trường hợp "*a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hành vi của bị cáo Bế Văn C đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" thuộc trường hợp: "*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo

Hoàng Văn P, Nguyễn Văn T đã phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" thuộc trường hợp "*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Thị A đã phạm tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" thuộc trường hợp "*a) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng"* quy định tại điểm a khoản 3 Điều 323 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà đã truy tố là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo: hành vi phạm tội của bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2 và Nguyễn Thị Ánh là rất nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo Bế Văn C là nghiêm trọng; hành vi của các bị cáo Hoàng Văn P, Nguyễn Văn T là ít nghiêm trọng, nhưng đều được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người đã thành niên nhưng không chịu lao động chân chính mà đi trộm cắp tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu cá nhân. Đối với bị cáo Nguyễn Thị A, mặc dù biết rõ các tấm bản mã, tấm thép mạ kẽm và thanh sắt là do các bị cáo khác trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên đã đồng ý mua. Hành vi này bị cáo A đã gián tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác và xâm phạm trực tiếp đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Vì vậy cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, lấy giáo dục riêng để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét vai trò, nhân thân các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thấy: đối với hành vi Trộm cắp tài sản, đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nông Văn H1 là người khởi xướng, tích cực thực hiện nên giữ vai trò đầu trong vụ án. Các bị cáo còn lại cùng cố ý thực hiện một tội phạm nên có vai trò ngang nhau trong vụ án. Đối với hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bị cáo Nguyễn Thị A thực hiện hành vi độc lập.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2, Bế Văn C, Hoàng Văn P, Nguyễn Thị A đều phạm tội từ 02 lần trở lên, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*g) Phạm tội 02 lần trở lên*" quy định tại tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều đã "*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*"; quá trình điều tra mặc dù

tài sản mà các bị cáo trộm cắp, tiêu thụ đã được thu hồi nhưng các bị cáo vẫn cùng nhau bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo T "*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*", đây là tình tiết giảm nhẹ thuộc điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Ngoài ra các bị cáo Hoàng Văn P, Nguyễn Thị A là hộ cận nghèo có hoàn cảnh hết sức khó khăn và là lao động duy nhất trong gia đình do bị cáo P một mình phải nuôi bố mẹ già và con nhỏ, Bị cáo Ánh không có nghề nghiệp và thu nhập, hiện một mình phải nuôi 02 con nhỏ đang đi học.Bị cáo Bế Văn C cũng có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính do bố mẹ đã già, vợ thường xuyên đau ốm không lao động được. Các bị cáo Chu Văn T1, Chu Văn T2 có bố là người tham gia dân công hỏa tuyến trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo Nông Văn H1 có bố là ông Nông Văn T tham gia dân công hỏa tuyến, tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ. Đây là các tình tiết thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo:

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo trong vụ án và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với Nông Văn H1 giữ vai trò đầu trong vụ án, các bị cáo Chu Văn T1, Chu Văn T2, Nguyễn Thị Ánh xâm phạm tài sản có giá trị rất lớn nên cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian, mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên các bị cáo T1, T2, A có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Bế Văn C và bị cáo Hoàng Văn P mặc dù phạm tội nhiều lần nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng. Các bị cáo Bế Văn C, Hoàng Văn P và Nguyễn Văn T đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên cho các bị cáo hưởng án treo kèm theo thời gian thử thách là phù hợp, không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội, do đó cần chấp nhận mức hình phạt như đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy các bị cáo đều là lao động tự do, không có việc làm và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về các biện pháp ngăn chặn đối với các bị cáo: đối với các Quyết định bảo lĩnh, Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, Quyết định tạm hoãn xuất cảnh của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà đang áp dụng đối với các bị cáo Hoàng Văn P, Bế Văn C và Nguyễn Văn T cần hủy bỏ.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra các bị cáo đã cùng nhau bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại các đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 06 điện thoại di động tạm giữ của các bị cáo T2, T1, C, P, T, A là điện thoại các bị cáo sử dụng để liên lạc trong quá trình phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với 06 sim điện thoại không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 05 xe mô tô thu giữ của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: 01 xe dán mác Elegants BKS 14L1-062.88 của bị cáo P, 01 xe kiểu dáng Wave BKS 14L1-084.83 của bị cáo T2 và 01 xe kiểu dáng Wave BKS 28S8-1684 của bị cáo Trìu đều là tài sản chung của gia đình các bị cáo, tại thời điểm các bị cáo lấy đi sử dụng vào việc trộm cắp tài sản, gia đình không ai biết nên trả lại ông Hoàng Văn Hùng (bố bị cáo P) 01 xe mô tô dán mác Elegants BKS 14L1-062.88; Trả lại chị Nông Thị Hiền (vợ bị cáo T2) 01 xe mô tô Wave BKS 14L1-084.83; Trả lại ông Chu Văn Biên (bố bị cáo T1) 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave BKS 28S8-1684.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius RC BKS 34M5-6436 tạm giữ của bị cáo Nông Văn Hậu không có số khung, số máy và 01 xe kiểu dáng Dream không gắn biển số, không xác định được số khung tạm giữ của bị cáo Bế Văn C quá trình điều tra không xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên chuyển lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà để tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: các bị cáo Hoàng Văn P, Nguyễn Thị A thuộc hộ cận nghèo và có đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí.

Các bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2, Bế Văn C, Nguyễn Văn Tuấn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với ông Mai Văn Ph, các anh Vũ Đức B, Bùi Văn K, Nguyễn Văn T là những người mua tài sản nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không đề cập xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố các bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2, Bế Văn C, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản*". Bị cáo Nguyễn Thị A phạm tội: "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự (áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Chu Văn T1, Chu Văn T2):

+ Xử phạt bị cáo Nông Văn H 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Chu Văn T1 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/3/2023.

+ Xử phạt bị cáo Chu Văn T2 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 26/3/2023.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Khoản 1,2,5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bế Văn C 24 (hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 (áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Hoàng Văn P; điểm i khoản 1 Điều 51 đối với bị cáo Nguyễn Văn T), khoản 1,2,5 Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Hoàng Văn P 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Bế Văn C, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn Tuấn cho UBND thị trấn Q, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 323, Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Bị cáo Nguyễn Thị A 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/3/2023.

2. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2, Bế Văn C, Hoàng Văn P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị A.

3. Căn cứ điểm d khoản 1 điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, hủy Quyết định bảo lĩnh số 02/2023/QĐBL-TA và số 03/2023/QĐBL-TA đều cùng ngày 28/6/2023, Lệnh cấm đi khỏi nơi cứ trú số 07/2023/HSST-LCĐKNCT và các Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 11-12 ngày 28/6/2023 và số 14 ngày 01/8/2023 đối với các bị cáo Hoàng Văn P, Bế Văn C và Nguyễn Văn Tuấn.

4. Về xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a,c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 06 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh của Bế Văn C, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi màu xanh của Hoàng Văn P, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphon 5 màu trắng của Chu Văn T2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu tím của Chu Văn T1, 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Zenno 7 màu ghi xám của Nguyễn Văn Tuấn và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04S của Nguyễn Thị Ánh.

Tịch thu tiêu hủy 06 sim điện thoại.

Trả lại ông Hoàng Văn H, (bố bị cáo Nguyễn Văn P) 01 xe mô tô dán mác Elegants, BKS 14L1-062.88;

Trả lại chị Nông Thị H (vợ bị cáo Chu Văn T2) 01 xe Wave, BKS 14L1-084.83.

Trả lại ông Chu Văn B (bố bị cáo Chu Văn T1) 01 xe Wave, BKS 28S8-1684.

Giao lại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà xác minh, làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius RC BKS 34M5-6436 tạm giữ của bị cáo Nông Văn H1 và 01 xe kiểu dáng Dream không gắn biển số, không xác định được số khung tạm giữ của bị cáo Bế Văn C.

(*Vật chứng nêu trên tình trạng như tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 23/CCTHADS ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hải Hà và Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải Hà).*

5. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Thị A và Hoàng Văn P.

Các bị cáo Nông Văn H1, Chu Văn T1, Chu Văn T2, Bế Văn C, Nguyễn Văn Tuấn mỗi người phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: áp dụng khoản 1, 4 Điều 331; khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: các Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi thường trú.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Hải Hà;
- Đội hồ sơ nghiệp vụ CA huyện Hải Hà;
- Cơ quan quản lý TG, TG CA huyện Hải Hà;
- CCTHADS huyện Hải Hà;
- Các bị cáo;
- Bị hại,
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- THA, Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thúy Chính